

UBND TỈNH KIÊN GIANG
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5343/VP-KGVX

Kiên Giang, ngày 22 tháng 7 năm 2021

V/v tổ chức triển khai thực hiện
Thông tư số 05/2021/TT-BKHCN
ngày 17/6/2021 của Bộ trưởng
Bộ Khoa học và Công nghệ.

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Thông tư số 05/2021/TT-BKHCN ngày 17/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định yêu cầu kỹ thuật đối với dữ liệu thông tin đầu vào của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ (đính kèm văn bản).

Ngày 21/7/2021, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Lưu Trung có ý kiến chỉ đạo: Giao Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức triển khai thực hiện.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh truyền đạt ý kiến của Phó Chủ tịch UBND tỉnh đến quý cơ quan biết, thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, nvthanh.

**KT.CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Trần Công Danh



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *05* /2021/TT-BKH-CN

Hà Nội, ngày *17* tháng *6* năm 2021

THÔNG TƯ

**Quy định yêu cầu kỹ thuật đối với dữ liệu thông tin đầu vào
của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ**

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ ngành địa phương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định yêu cầu kỹ thuật đối với dữ liệu thông tin đầu vào của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định yêu cầu kỹ thuật đối với thông tin đầu vào của một số dữ liệu thành phần của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ, bao gồm:

- Thông tin về Tổ chức khoa học và công nghệ và tổ chức khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
- Thông tin về Cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
- Thông tin về Nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Thông tư này không áp dụng với thông tin khoa học và công nghệ thuộc danh mục bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng bao gồm:

a) Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Các cơ quan, đơn vị chuyên môn về khoa học và công nghệ, tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là bộ, ngành, địa phương);

c) Tổ chức khoa học và công nghệ và tổ chức khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

d) Cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

đ) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xây dựng, quản lý, cập nhật và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

2. Thông tư này không áp dụng với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Dữ liệu thông tin đầu vào* là những dữ liệu về đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này, được lựa chọn, xử lý để nhập vào các trường dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

2. *Tổ chức khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ* là các tổ chức không thuộc quy định tại Điều 3 Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật khoa học và công nghệ nhưng có tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

3. *Cấu trúc dữ liệu* là tập hợp các trường thông tin thể hiện thuộc tính của thực thể thông tin được quản lý trong cơ sở dữ liệu

4. *Mã định danh* là một chuỗi ký tự duy nhất dùng để xác định (phân biệt) các cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quản lý khi kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương và cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

5. *Nhãn trường* là tiêu đề của một trường thông tin.

6. *Tên trường thông tin* là chuỗi ký tự không bao gồm ký hiệu đặc biệt, viết liền, không có dấu tiếng Việt dùng để khai báo khi tạo lập các trường của cơ sở dữ liệu.

Điều 4. Nguyên tắc thiết kế cấu trúc dữ liệu thông tin đầu vào

1. Bảo đảm thống nhất về cấu trúc của dữ liệu thông tin đầu vào giữa các dữ liệu thành phần của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

2. Phù hợp với các mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương quy định tại Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương; Phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

3. Bảo đảm kết nối, chia sẻ, trao đổi dữ liệu thông suốt giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ và các cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ khác của bộ, ngành, địa phương.

4. Bảo đảm kết nối liên thông, chia sẻ thông tin với Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Công Dịch vụ công của bộ, ngành, địa phương, Công Dịch vụ công quốc gia và các cơ sở dữ liệu khác phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Điều 5. Nguyên tắc kết nối

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

2. Bảo đảm quyền khai thác dữ liệu hợp pháp theo quy định của pháp luật; không làm hạn chế quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân do yếu tố kỹ thuật.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, các quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ và các hệ thống thông tin kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

4. Phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh.

Điều 6. Bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu

1. Bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Luật An toàn thông tin mạng và các quy định hiện hành về an toàn, an ninh thông tin.

2. Bảo đảm tính toàn vẹn, tin cậy, sẵn sàng khi lưu trữ, khai thác, trao đổi thông tin, dữ liệu. Áp dụng kỹ thuật mã hóa, thiết lập mật mã, ứng dụng chữ ký số và có cơ chế lưu trữ dự phòng, cơ chế phòng chống, kiểm soát mã độc tấn công dữ liệu khi được lưu trữ, trao đổi thông tin, dữ liệu quan trọng.

3. Bảo đảm bảo mật thông tin dữ liệu trong hoạt động chuyển đổi số và lưu trữ các thành phần dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

4. Bảo đảm bảo mật thông tin tài khoản, người dùng được cấp tài khoản truy cập với định danh duy nhất gắn với người dùng khi sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu. Người dùng chỉ được truy cập các thông tin phù hợp với quyền hạn của mình và có trách nhiệm bảo mật tài khoản truy cập được cấp. Mật mã đăng nhập, truy cập hệ thống thông tin phải có độ phức tạp cao (có độ dài tối thiểu 8 ký tự, có ký tự thường, ký tự hoa, ký tự số hoặc ký tự đặc biệt như !, @, #, \$, %,....).

Điều 7. Sử dụng bảng phân loại

1. Trong quá trình biên tập, xử lý thông tin đầu vào của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ, các tổ chức, cá nhân có liên quan sử dụng Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành một số bảng phân loại thống kê khoa học và công nghệ.

2. Lĩnh vực nghiên cứu là từ khóa để thống kê, phân tích thông tin về tổ chức khoa học và công nghệ và tổ chức khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 8. Yêu cầu kỹ thuật dữ liệu thông tin đầu vào

1. Yêu cầu kỹ thuật nhập dữ liệu: Sử dụng bộ mã ký tự tiếng Việt tuân thủ TCVN 6909:2001 (ISO/IEC 10646-1:2000), Công nghệ thông tin - Bộ mã kí tự tiếng Việt 16-bit để cập nhật dữ liệu.

2. Yêu cầu kỹ thuật định dạng đối với tài liệu đính kèm

a) Định dạng văn bản

- Định dạng Plain Text (.txt);
- Định dạng Rich Text Format (.rtf);
- Định dạng văn bản Word và Word mở rộng của Microsoft (.doc; .docx);
- Định dạng Portable Document Format (.pdf) phiên bản 1.4 trở lên;
- Định dạng Open Document Text (.odt).

b) Định dạng bảng tính

- Định dạng bảng tính Excel và bảng tính Excel mở rộng của Microsoft (.xls; .xlsx);
- Định dạng Comma separated Variable/Delimited (.csv);
- Định dạng Open Document Spreadsheets (.ods).

c) Dạng ảnh đồ họa

- Định dạng: JPEG (.jpg ; .jpeg), PNG (.png), TIF (.tif ; tiff), GIF (.gif);
- Độ phân giải tối thiểu: 200 dpi.

d) Dạng phim ảnh

- Định dạng: MOV, MP4, MKV, FLV, MPEG-4 (.mpeg, .mpg), AVI (.avi), WMV (.wmv);
- Bit rate tối thiểu: 1500 kbps.

đ) Dạng âm thanh

- Định dạng: MP3 (.mp3), WMA (.wma);
- Bit rate tối thiểu: 128 kbps.

e) Dạng trình chiếu

- Định dạng Powerpoint và Powerpoint mở rộng của Microsoft (.ppt; .pptx).

g) Dạng file nén

- Định dạng Zip (WinZip) (.zip);
- Định dạng RAR (WinRAR) (.rar);
- Định dạng 7z (7-Zip) (.7z).

Điều 9. Cấu trúc dữ liệu thông tin đầu vào

Cấu trúc dữ liệu thông tin đầu vào của một số dữ liệu thành phần của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ được quy định chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Cấu trúc mã định danh

1. Mã định danh điện tử của tổ chức khoa học và công nghệ và tổ chức khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Mã định danh điện tử của tổ chức khoa học và công nghệ và tổ chức khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được áp dụng theo Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành và địa phương;

b) Cấu trúc mã định danh điện tử của tổ chức khoa học và công nghệ và tổ chức khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ quy định như sau:

$$MX_1X_2.Y_1Y_2.Z_1Z_2.V_1V_2V_3$$

trong đó:

- MX_1X_2 xác định đơn vị cấp 1 (gọi là Mã cấp 1).
- Y_1Y_2 xác định đơn vị cấp 2 (gọi là Mã cấp 2).

- Z_1Z_2 xác định đơn vị cấp 3 (gọi là Mã cấp 3).
- $V_1V_2V_3$ xác định đơn vị cấp 4 (gọi là Mã cấp 4).

2. Mã định danh điện tử của cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Mã định danh điện tử của cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là mã duy nhất, sử dụng thống nhất trên toàn quốc, được quản lý tập trung trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;

b) Cấu trúc mã định danh điện tử của cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ quy định như sau:

CB.aaaaaa

trong đó:

- CB là ký tự mặc định của mã số
- aaaaaa là số thứ tự mã cán bộ do hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ tự động cấp.

3. Mã định danh điện tử của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Mã định danh điện tử của nhiệm vụ khoa học và công nghệ là mã duy nhất, dùng để xác định và phân biệt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, được sử dụng thống nhất trên toàn quốc và được quản lý tập trung trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;

b) Cấu trúc mã định danh điện tử của nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định như sau:

NV.aa. MX_1X_2 .bbbb.cccc

trong đó:

- NV là ký tự mặc định của mã số.
- aa là cấp quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm: QG - Cấp Quốc gia, CB - cấp Bộ, CT - cấp Tỉnh, CS - cấp Cơ sở.
- MX_1X_2 là mã định danh điện tử của các bộ, ngành, địa phương theo Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ ngành địa phương.
- bbbb là năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- cccc là số thứ tự nhiệm vụ do hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ tự động cấp và không trùng nhau.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2021.
2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

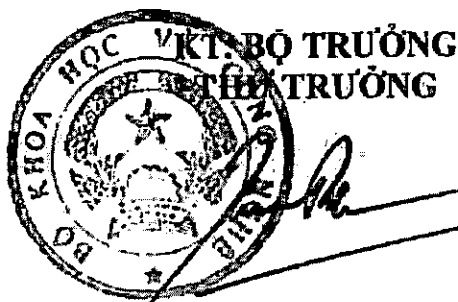
1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ giao Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia hướng dẫn và tổ chức thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư Pháp);
- Công báo, Công thông tin điện tử Chính phủ; Công thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, TTKHCN.



Lê Xuân Định

[Handwritten signature]

Phụ lục



CẤU TRÚC DỮ LIỆU THÔNG TIN ĐẦU VÀO CỦA MỘT SỐ DỮ LIỆU THÀNH PHẦN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2021/TT-BKHHCN ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

1. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ TỔ CHỨC KHÁC CÓ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

ST T	Nhãn trường thông tin	Tên trường thông tin	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Trường nhập thông tin	Ghi chú
I Nhóm thông tin chung (theo năm cập nhật cuối)						
1	Mã định danh tổ chức	MaDinhDanhToChuc	String	Thông tin về mã định danh của tổ chức khoa học và công nghệ và tổ chức khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư này. Mã có thể sử dụng để liên kết biểu ghi với các đối tượng liên quan.	Bắt buộc	Là trường khóa chính.
2	Tên tổ chức	TenToChuc	String	Thông tin về tên chính thức của tổ chức khoa học và công nghệ và tổ chức khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, được chọn đưa vào cơ sở dữ liệu bằng tiếng Việt.	Bắt buộc	
3	Tên tiếng Anh	TenTiengAnh	String	Thông tin về tên tổ chức bằng tiếng Anh và tên viết tắt (nếu có).	Không bắt buộc	
4	Địa chỉ	DiaChi	String	Thông tin về địa chỉ nơi trụ sở	Bắt buộc	

				chính của tổ chức đăng ký giấy phép hoạt động.		
5	Tỉnh/thành phố	TinhThanh	String	Thông tin về tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi trụ sở chính của tổ chức đăng ký giấy phép hoạt động.	Bắt buộc	Chọn trong danh sách tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (thống nhất trong hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ).
6	Điện thoại	DienThoai	String	Thông tin về số điện thoại của tổ chức theo mẫu: mã vùng quốc tế - mã tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương - số điện thoại.	Bắt buộc	
7	Email	Email	String	Thông tin về địa chỉ hộp thư điện tử của tổ chức hoặc của thủ trưởng tổ chức hoặc của người được chỉ định liên hệ.	Bắt buộc	
8	Website	Website	String	Thông tin về địa chỉ URL trang chủ của tổ chức (nếu có).	Không bắt buộc	
9	Người đứng đầu	NguoiDungDau	String	Họ và tên người đứng đầu của tổ chức.	Bắt buộc	Trường hợp người đứng đầu đã có mã định danh căn bộ tại dữ liệu Căn bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thì nhập mã định danh. Trường hợp người đứng đầu chưa có mã định danh căn bộ thì nhập trực tiếp Họ và tên của người đứng đầu.

10	Cơ quan quản lý trực tiếp	CoQuanquanlyTrucTiep	Collection String	Thông tin về tên cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp của tổ chức.	Không bắt buộc	Chọn trong dữ liệu Tổ chức khoa học và công nghệ và tổ chức khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc nhập trực tiếp nếu cơ quan quản lý không có tên trong dữ liệu
11	Cơ quan chủ quản	CoQuanChuQuan	Collection String	Thông tin về cơ quan chủ quản của tổ chức (bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).	Không bắt buộc	Chọn trong danh mục cơ quan chủ quản hoặc thêm mới nếu chưa có.
12	Loại hình tổ chức	LoaiHinhToChuc	Integer	1. Thông tin về loại hình được gán mã như sau: - Mã số 1: Tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ - Mã số 2: Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng - Mã số 3: Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ 2. Doanh nghiệp 3. Tổ chức khác	Bắt buộc	Chọn một hoặc nhiều theo danh sách loại hình tổ chức
13	Hình thức sở hữu	HinhThucSoHuu	Integer	Thông tin về hình thức sở hữu được gán mã như sau: - Mã số 1: Công lập - Mã số 2: Ngoài công lập	Bắt buộc	Chọn theo danh sách hình thức sở hữu của tổ chức

				- Mã số 3: Có vốn nước ngoài		
14	Lĩnh vực nghiên cứu	LinhVucNC	Collection String	Theo Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHHCN ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành một số bảng phân loại thống kê khoa học và công nghệ.	Bắt buộc	- Chọn mã cấp 1 tại bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu. - Có thể nhập một hoặc nhiều lĩnh vực nghiên cứu.
15	Thực hiện cơ chế tự chủ	ChuyenDoiCoCheTuChu	Integer	Cơ chế tự chủ được gán mã như sau: - Mã số 1: Tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư - Mã số 2: Tự bảo đảm chi thường xuyên - Mã số 3: Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên - Mã số 4: Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.	Không bắt buộc	Chọn 1 trong 4 Chỉ áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.
16	Danh sách các tổ chức thuộc và trực thuộc	DSDonViTrucThuoc	Collection String	Tên các đơn vị/tổ chức trực thuộc tổ chức khoa học và công nghệ và tổ chức khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ		Tự động thống kê theo hệ thống.
II	Nhóm thông tin về nhân lực của tổ chức					
1	Tổng số nhân lực	TongNhanLuc	Integer	Tổng số nhân lực của tổ chức	Bắt buộc	Là trường tự động, hệ thống tự thống kê, tổng hợp.
2	Thời gian cập nhật	ThoiGian	Date	Thời gian cập nhật thông tin về nhân lực của tổ chức.	Bắt buộc	

3	Giáo sư	GiaoSu	Integer	Tổng số Giáo sư.	Bắt buộc	Nếu không có ghi 0.
4	Phó Giáo sư	PhoGiaoSu	Integer	Tổng số Phó Giáo sư.	Bắt buộc	Nếu không có ghi 0.
5	Tiến sĩ	TienSi	Integer	Tổng số Tiến sĩ.	Bắt buộc	Nếu không có ghi 0.
6	Thạc sĩ	ThacSi	Integer	Tổng số Thạc sĩ.	Bắt buộc	Nếu không có ghi 0.
7	Đại học	DaiHoc	Integer	Tổng số nhân lực có trình độ Đại học.	Bắt buộc	Nếu không có ghi 0.
8	Cao đẳng	CaoDang	Integer	Tổng số nhân lực có trình độ Cao đẳng.	Bắt buộc	Nếu không có ghi 0.
9	Nhân lực khác	NhanLucKhac	Integer	Tổng số nhân lực khác các loại trên.	Không bắt buộc	Ngoài các đối tượng trên, nếu không có ghi 0.
III	Nhóm thông tin khác của tổ chức					
	Thông tin về kinh phí hoạt động					
1	Tổng số kinh phí	TongKinhPhi	Decimal	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước và ngoài ngân sách nhà nước. Số thập phân (Định dạng 00.00).	Bắt buộc	Đơn vị triệu đồng.
2	Ngân sách nhà nước	KinhPhiNSNN	Decimal	Kinh phí ngân sách nhà nước Số thập phân (Định dạng 00.00).	Không bắt buộc	Đơn vị triệu đồng.
3	Ngoài ngân sách nhà nước	KinhPhiNgoaiNSNN	Decimal	Kinh phí ngoài ngân sách nhà nước Số thập phân (Định dạng 00.00).	Không bắt buộc	Đơn vị triệu đồng.
4	Thời gian cập nhật	ThoiGian	Date	Thời gian cập nhật thông tin về kinh phí của tổ chức.	Bắt buộc	
	Thông tin về cơ sở vật chất - kỹ thuật					
1	Tổng số diện tích trụ sở	TongDienTichTruSo	Decimal	Thông tin về tổng diện tích trụ sở của tổ chức theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyết định giao diện tích sử dụng của cấp có thẩm quyền hoặc theo hợp đồng thuê.	Bắt buộc	

2	Thời gian cập nhật	ThoiGian	Date	Thời gian cập nhật thông tin về cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức.	Bắt buộc	
Thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ						
1	Quyền sở hữu trí tuệ	SoHuuTriTue	Text	Thông tin về quyền sở hữu trí tuệ bao gồm: Quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền sở hữu công nghiệp (Sáng chế, giải pháp hữu ích; kiểu dáng công nghiệp; thiết kế bố trí Mạch tích hợp bán dẫn; giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu; chỉ dẫn địa lý); giống cây trồng.	Không bắt buộc	
2	Sáng kiến được công nhận	SangKien	Text	Thông tin về sáng kiến được công nhận	Không bắt buộc	
3	Tổng số sản phẩm công nghệ được ứng dụng	SanPhamCongNgheUngDung	Text	Thông tin về tổng số sản phẩm công nghệ được ứng dụng	Không bắt buộc	
4	Công bố quốc tế	CongBoQuocTe	Text	Tổng số công bố quốc tế của tổ chức có trong cơ sở dữ liệu ISI, Scopus.	Không bắt buộc	
5	Công bố trong nước	CongBoTrongNuoc	Text	Tổng số công bố trong nước trên các bài báo, tạp chí, kỷ yếu khoa học,...	Không bắt buộc	
6	Chuyển giao công nghệ	ChuyenGiaoCongNghe	Text	Tổng số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện trong năm.	Không bắt buộc	
7	Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ khác	KQHDKHCNKhac	Text	Các kết quả hoạt động khoa học và công nghệ khác.	Không bắt buộc	

8	Thời gian cập nhật	ThoiGian	Date	Thời gian cập nhật thông tin về nhân lực của tổ chức.	Bắt buộc	
IV	Nhóm thông tin về hợp tác quốc tế					
1	Thành viên tổ chức quốc tế					
1.1	Tên tổ chức quốc tế	ToChucQuocTe	Text	Tên tổ chức quốc tế mà tổ chức tham gia hợp tác.	Không bắt buộc	
1.2	Năm tham gia	NamThamGia	Number	Năm bắt đầu tham gia.	Không bắt buộc	
1.3	Hình thức tham gia	HinhThucThamGia	Text	Hình thức tham gia hợp tác với tổ chức quốc tế. (Thành viên/Thành viên chính/Quan sát viên...).	Không bắt buộc	
2	Đối tác quốc tế					
2.1	Tên đối tác	TenDoiTac	Text	Tên quốc gia tham gia hợp tác.	Không bắt buộc	
2.2	Năm tham gia	NamThamGia	Number	Năm bắt đầu tham gia.	Không bắt buộc	
2.3	Nội dung hợp tác	NoiDungHopTac	Text	Nội dung tham gia hợp tác về khoa học và công nghệ.	Không bắt buộc	

2. THÔNG TIN VỀ CÁN BỘ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

STT	Nhân trường	Tên trường thông tin	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Trường nhập thông tin	Ghi chú
I	Nhóm thông tin chung					
1	Mã định danh cán bộ	MaDinhDanhCanBo	String	Thông tin về mã định danh điện tử của cán bộ được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 9 của Thông tư này. Mã do Hệ thống tự gán theo quy	Bắt buộc	Là trường khóa chính.

				định và có thể sử dụng để liên kết biểu ghi với các đối tượng liên quan. Ví dụ: Nguyễn Văn A có mã số cán bộ là CB.000001		
2	Họ và Tên	HoVaTen	String	Họ và tên cán bộ thực hiện nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	Bắt buộc	
3	Ngày sinh	NgaySinh	Date	Ngày, tháng, năm sinh của cán bộ.	Bắt buộc	dd/mm/yyyy
4	Giới tính	GioiTinh	Integer	Thông tin về giới tính của cán bộ được gán mã như sau: - Mã số 1: Nam - Mã số 2: Nữ	Bắt buộc	Chọn Nam hoặc Nữ.
5	Quốc tịch	QuocTich	Integer	Thông tin về quốc tịch của cán bộ.	Bắt buộc	Lựa chọn trong danh sách.
6	Số CMND/Số thẻ căn cước/Số hộ chiếu	CCCD	String	Số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu đối với cán bộ không phải công dân Việt Nam.	Bắt buộc	
7	Nơi ở hiện nay	NoiOHienNay	String	Thông tin về nơi cư trú của cán bộ, chi tiết đến số nhà, xóm/phố, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố.	Bắt buộc	
8	Tỉnh/thành phố	TinhThanh	String	Thông tin về tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi cư trú.	Bắt buộc	Lựa chọn trong danh sách tỉnh/thành phố (thống nhất trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ).
9	Điện thoại	DienThoai	String	Thông tin về số điện thoại của cán	Bắt buộc	

				bộ theo mẫu: mã vùng quốc tế - mã tỉnh/thành phố - số điện thoại.		
10	Email	Email	String	Thông tin về địa chỉ hộp thư điện tử cá nhân.	Bắt buộc	
11	Chức danh nghề nghiệp	ChucDanhNgheNghiep	Integer	Chức danh nghề nghiệp bao gồm: Chức danh khoa học và chức danh công nghệ.	Không bắt buộc	Lựa chọn trong danh sách chức danh hoặc chức danh tương đương.
12	Chức danh	ChucDanh	Integer	Thông tin về chức danh của cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được gán mã như sau: - Mã số 1: Giáo sư - Mã số 2: Phó giáo sư	Không bắt buộc	Chọn trong danh sách chức danh nếu có.
13	Năm được phong chức danh	NamPhongChucDanh	Number	Năm được phong chức danh của cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	Không bắt buộc	
14	Học vị	HocVi	Integer	Thông tin về học vị của cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được gán mã như sau: - Mã số 1: Tiến sĩ - Mã số 2: Thạc sĩ - Mã số 3: Kỹ sư - Mã số 4: Cử nhân - Mã số 5: Bác sĩ - ...	Bắt buộc	Chọn trong danh sách học vị nếu có.
15	Năm đạt học vị	NamDatHocVi	Number	Năm đạt học vị của cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	Bắt buộc	
16	Cơ quan công tác	CoQuanCongTac	Collection String	Tên cơ quan công tác của cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển	Bắt buộc	Chọn trong dữ liệu Tổ chức khoa học và công

				công nghệ.		nghệ và tổ chức khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc nhập trực tiếp nếu cơ quan công tác không có tên trong dữ liệu.
17	Lĩnh vực nghiên cứu	LinhVucNC	Collection String	Theo Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành một số bảng phân loại thống kê khoa học và công nghệ.	Bắt buộc	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể chọn một hoặc nhiều lĩnh vực nghiên cứu. - Lựa chọn đến Mã cấp 3 trong danh mục Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ. - Các lĩnh vực nghiên cứu ngăn cách bởi dấu chấm phẩy (;).
II Bảng thông tin về quá trình đào tạo						
1	Mã định danh cán bộ	MaDinhDanhCanBo	String	Được kết nối với Mã định danh cán bộ tại Nhóm thông tin chung.	Bắt buộc	
2	Bậc đào tạo	BacDaoTao	String	Bậc đào tạo của cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ áp dụng theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.	Bắt buộc	Chọn trong danh sách bậc đào tạo.
3	Trình độ đào tạo	TrinhDoDaoTao	String	Trình độ đào tạo của cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	Bắt buộc	

4	Nơi đào tạo	NoiDaoTao	String	Nơi đào tạo của cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Cơ sở đào tạo, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, quốc gia).	Bắt buộc	
5	Chuyên ngành	ChuyenNganh	String	Chuyên ngành đào tạo của cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	Bắt buộc	
6	Chức danh nghề nghiệp	ChucDanhKHCN	String	Chức danh nghề nghiệp bao gồm: chức danh khoa học và chức danh công nghệ.	Không bắt buộc	
7	Năm tốt nghiệp	NamTotNghiep	Number	Năm tốt nghiệp của cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	Bắt buộc	
Bảng thông tin về quá trình công tác						
1	Mã định danh cán bộ	MaDinhDanhCanBo	String	Được kết nối với Mã định danh cán bộ tại Nhóm thông tin chung.	Bắt buộc	
2	Thời gian công tác	ThoiGianCongTac	String	Thời gian công tác của cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (từ tháng ...năm... đến tháng...năm...).	Bắt buộc	
3	Vị trí công tác	ViTriCongTac	String	Vị trí công tác của cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	Bắt buộc	
4	Tổ chức công tác	ToChucCongTac	String	Tổ chức công tác của cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	Bắt buộc	
III Bảng thông tin về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cán bộ nghiên cứu chủ trì và tham gia						
1	Mã định danh cán bộ	MaDinhDanhCanBo	String	Được kết nối với Mã định danh cán bộ tại Nhóm thông tin chung.	Bắt buộc	

2	Tên nhiệm vụ	TenNhiemVu	Collection String	Tên thông tin về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã chủ trì, tham gia nghiên cứu.	Bắt buộc	Chọn tại dữ liệu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc nhập mới nếu không có trong dữ liệu nhiệm vụ khoa học và công nghệ
3	Vai trò tham gia	VaiTroThamGia	String	Vai trò tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ được gán mã như sau: - Mã CN: Chủ nhiệm - Mã TV: Thành viên chính	Bắt buộc	Chọn chủ nhiệm hoặc thành viên chính.
4	Năm bắt đầu	NamBatDau	Number	Năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Bắt buộc	
5	Năm kết thúc	NamKetThuc	Number	Năm kết thúc hoàn thành nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Bắt buộc	
IV	Bảng thông tin về các công bố khoa học và công nghệ, sáng chế và giải pháp hữu ích					
1	Mã định danh cán bộ	MaDinhDanhCanBo	String	Được kết nối với Mã định danh cán bộ tại Nhóm thông tin chung.	Bắt buộc	
2	Loại công bố	LoaiCongBo	String	Các loại hình được công bố được gán mã như sau: - Mã BB: Bài báo - Mã KY: Kỷ yếu hội nghị, hội thảo	Bắt buộc	Chọn bài báo hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo.
3	Tên công bố	TenCongBo	String	Tên sách chuyên khảo hoặc tên bài báo hoặc bài tham gia kỷ yếu hội nghị, hội thảo được công bố.	Bắt buộc	
4	Nguồn trích công bố	NguonTrich	String	Tên tạp chí, năm xuất bản, số, tập, trang đăng công bố/kỷ yếu hội nghị, hội thảo.	Bắt buộc	
5	ISSN/ISBN	ISSNISBN	String	Mã số tiêu chuẩn quốc tế cho xuất bản phẩm nhiều kỳ/mã số tiêu	Không bắt	

				chuẩn quốc tế cho sách tại Việt Nam.	buộc	
6	URL	URL	String	Liên kết tới trang thông tin về công bố.	Không bắt buộc	

3. THÔNG TIN VỀ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Nhiệm vụ đang tiến hành, Kết quả thực hiện nhiệm vụ, Ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ)

STT	Nhãn trường	Tên trường thông tin	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Trường nhập thông tin	Ghi chú
I	Nhóm thông tin chung					
1	Mã định danh nhiệm vụ	MaDinhDanhNhiemVu	String	<p>Thông tin về mã định danh của nhiệm vụ được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư này. Mã do hệ thống tự gán theo quy định thống nhất dùng chung và có thể sử dụng để liên kết biểu ghi với các đối tượng liên quan khác.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>1. Nhiệm vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ: - Cấp Quốc gia: NV.QG.G06.2016.001 - Cấp Bộ: NV.CB.G06.2016.001 - Cấp Cơ sở: NV.CS.G06.2016.001</p> <p>2. Nhiệm vụ của tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (của thành phố Hà Nội): - Cấp Tỉnh: NV.CT.H26.2016.001</p>	Bắt buộc	Mã nhiệm vụ tự sinh.

				- Cấp Cơ sở: NV.CS.H26.2016.0001		
2	Tên nhiệm vụ	TenNhiemVu	String	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Bắt buộc	Viết đầy đủ tên nhiệm vụ, không viết tắt.
3	Mã số nhiệm vụ	MaSoNhiemVu	String	Mã số nhiệm vụ.	Không bắt buộc	Nếu có mã nhiệm vụ.
4	Cấp nhiệm vụ	CapNhiemVu	String	Cấp nhiệm vụ khoa học và công nghệ được gán như sau: - Mã QG: Cấp Quốc gia - Mã CB: Cấp Bộ - Mã CT: Cấp Tỉnh - Mã CS: Cấp Cơ sở	Bắt buộc	Chọn mã trong danh sách cấp quản lý nhiệm vụ.
5	Thuộc Chương trình	ThuocChuongTrinh	String	Ghi tên chương trình khoa học và công nghệ mà nhiệm vụ trực thuộc.	Không bắt buộc	Chọn trong danh sách chương trình khoa học và công nghệ hoặc thêm mới nếu chưa có.
6	Cơ quan quản lý kinh phí nhiệm vụ	CoQuanQuanLyKinhPhi NV	Collection String	Thông tin về cơ quan quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Cơ quan quản lý nhiệm vụ có thể là bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).	Không bắt buộc	Chọn trong danh mục hoặc thêm mới nếu chưa có.
7	Tổ chức chủ trì	ToChucChuTri	Collection String	Tổ chức chủ trì nhiệm vụ.	Bắt buộc	Chọn trong dữ liệu Tổ chức khoa học và công nghệ và tổ chức khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển

						công nghệ hoặc nhập trực tiếp trong trường hợp không có tên trong dữ liệu
8	Cơ quan cấp trên trực tiếp của tổ chức chủ trì	CoQuanCapTren	Collection String	Cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Không bắt buộc	Chọn trong dữ liệu Tổ chức khoa học và công nghệ và tổ chức khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc nhập trực tiếp trong trường hợp không có tên trong dữ liệu
9	Cơ quan chủ quản	CoQuanChuQuan	Collection String	Thông tin về cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì nhiệm vụ (bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).	Không bắt buộc	Chọn trong danh mục cơ quan chủ quản hoặc nhập trực tiếp trong trường hợp không có tên trong dữ liệu
10	Thông tin cán bộ tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ					
10.1	Họ và tên	HoVaTen	Collection String	Họ và tên cán bộ tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ.		Chọn trong thông tin dữ liệu Cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc thêm mới nếu chưa có.
10.2	Vai trò tham gia	VaiTroThamGia	String	Vai trò nhiệm vụ tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ được gán mã như sau: - Mã CN: Chủ nhiệm - Mã TV: Thành viên chính	Bắt buộc	Chọn chủ nhiệm hoặc thành viên chính.

11	Lĩnh vực nghiên cứu	LinhVuc	Collection String	Theo Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHHCN ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành một số bảng phân loại thống kê khoa học và công nghệ.	Bắt buộc	- Có thể chọn một hoặc nhiều lĩnh vực nghiên cứu. - Lựa chọn đến Mã cấp 3 trong danh mục Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ. - Các lĩnh vực nghiên cứu ngăn cách bởi dấu chấm phẩy (;).
12	Loại hình nhiệm vụ	LoaiHinhNhiemVu	Integer	Loại hình nhiệm vụ được gán mã như sau: - Mã số 1: Đề tài khoa học và công nghệ - Mã số 2: Dự án sản xuất thử nghiệm - Mã số 3: Đề án khoa học - Mã số 4: Dự án khoa học và công nghệ	Bắt buộc	Chọn trong danh sách loại hình nhiệm vụ.
13	Thời gian thực hiện	ThoiGianThucHien	Integer	Thời gian thực hiện.	Bắt buộc	Tính theo tháng.
14	Thời gian bắt đầu	ThoiGianBatDau	Date	Thời gian bắt đầu thực hiện nhiệm vụ.	Bắt buộc	dd/mm/yyyy
15	Thời gian kết thúc	ThoiGianKetThuc	Date	Thời gian kết thúc thực hiện nhiệm vụ.	Bắt buộc	dd/mm/yyyy
16	Tổng kinh phí	TongKinhPhi	Decimal	Kinh phí được phê duyệt.	Bắt buộc	Đơn vị triệu đồng.
17	Tổng kinh phí bằng chữ	KinhPhiBangChu	String	Kinh phí được phê duyệt bằng chữ.	Bắt buộc	Hệ thống tự chuyển đổi từ số sang chữ.
18	Kinh phí ngân sách nhà nước	KinhPhiNhaNuoc	Decimal	Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước.	Bắt buộc	Đối với các tổ chức công lập. Đơn vị tính triệu đồng.

19	Kinh phí tự có	KinhPhiTuCo	Decimal	Kinh phí tự có của tổ chức.	Không bắt buộc	Đơn vị triệu đồng.
20	Kinh phí khác	KinhPhiKhac	Decimal	Kinh phí từ nguồn khác.	Không bắt buộc	Đơn vị triệu đồng.
21	Từ khóa	TuKhoa	String	Từ khóa được phân cách bằng dấu chấm phẩy (;).	Bắt buộc	
II	Nhóm trường thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành					
1	Mục tiêu nghiên cứu	MucTieuNghienCuu	Text	Mục tiêu nghiên cứu.	Bắt buộc	
2	Thông tin tóm tắt	ThongTinTomTat	Text	Tóm tắt nội dung nghiên cứu.	Bắt buộc	
3	Sản phẩm dự kiến	SanPhamDuKien	String	Sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến.	Bắt buộc	
4	Địa chỉ phạm vi ứng dụng	DiaChiPhamViUD	String	Địa chỉ và quy mô ứng dụng dự kiến.	Không bắt buộc	
5	Số quyết định	SoQuyetDinh	String	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Bắt buộc	
6	Ngày quyết định	NgayQuyetDinh	Date	Ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Bắt buộc	dd/mm/yyyy
III	Nhóm trường thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ					
1	Năm viết báo cáo	NamVietBaoCao	Number	Năm viết báo cáo.	Bắt buộc	
2	Số quyết định	SoQuyetDinh	String	Số quyết định nghiệm thu.	Bắt buộc	
3	Ngày quyết định nghiệm thu	NgayQuyetDinhNT	Date	Ngày nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Bắt buộc	dd/mm/yyyy
4	Số đăng ký kết quả nghiên cứu	SoDangKyKQNC	String	Số ngày, nơi cấp/cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Bắt buộc	
5	Thông tin tóm tắt	TomTat	Text	Tóm tắt nội dung nghiên cứu chính đã thực hiện.	Bắt buộc	

6	File Tổng hợp	BaoCaoTongHop	Collection của TepDinhKem	File báo cáo tổng hợp, định dạng PDF.	Bắt buộc	
7	File Tóm tắt	BaoCaoTomTat	Collection của TepDinhKem	File báo cáo tóm tắt, định dạng PDF.	Bắt buộc	
IV	Nhóm trường thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ					
1	Nội dung ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	NoiDungUngDung	Text	Tóm tắt nội dung ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Bắt buộc	
2	Địa chỉ ứng dụng	DiaChiUngDung	String	Các địa chỉ ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Bắt buộc	
3	Hiệu quả kinh tế	HieuQuaKinhTe	Text	Mô tả ngắn gọn những ứng dụng của kết quả nhiệm vụ: đã ứng dụng như thế nào; ứng dụng vào lĩnh vực, hoạt động gì; có chuyển giao công nghệ không.	Bắt buộc	